

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1994
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	2.000		2.000
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Tiết kiệm/Tích lũy				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			0
Đầu tư				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	400		400
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input type="checkbox"/>			0
Nhu cầu khác	<input type="checkbox"/>			0
Tổng cộng		2.900	0	2.900

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	40
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	480
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		720	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y

Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và kế hoạch đóng phí bảo hiểm.



Bảo vệ cả gia đình
chỉ với 1 hợp đồng bảo hiểm



Bảo vệ toàn diện
Bảo vệ rủi ro về tai nạn và
96 Bệnh Nan Y



Hoàn 100% Phí rủi ro
vào năm 75 tuổi



Thưởng 25% tổng các khoản lãi
đã tính cho Giá trị Tài khoản
Hợp đồng trong mỗi 4 năm



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐKKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 2	NGUYỄN THỊ B	NỮ	01/01/1996	28	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 3	NGUYỄN VĂN C	NAM	01/01/2020	4	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 4	NGUYỄN THỊ D	NỮ	01/01/2022	2	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm Bảo hiểm	Mệnh giá Sản phẩm (MGSP)	Tuổi NDBH1 khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) cơ bản (**)
Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y <i>Lựa chọn B</i>	500.000.000	99	14.690.000

Điều kiện Bảo hiểm (*)	NDBH 1	NDBH 2	NDBH 3	NDBH 4
1 Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong	S/S	S/S		
2 Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong do Tai nạn	S/S	S/S		
3 Quyền lợi Bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	S/S	S/S		
4 Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y	S/S	S/S	S/S	S/S

	<input checked="" type="checkbox"/> Năm	<input type="checkbox"/> Nửa năm	<input type="checkbox"/> Quý
Phí BH đóng theo kỳ (1):	14.690.000	7.345.000	3.672.500
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2):	0	0	0
Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (3 = 1 + 2):	14.690.000	7.345.000	3.672.500
Thời gian đóng phí (dự kiến):	20 năm		

Ghi chú:

(*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

(**) Phí BH cơ bản: Bên mua Bảo hiểm phải đóng Phí Bảo hiểm cơ bản đầy đủ và đúng hạn trong ba (03) Năm hợp đồng đầu tiên.

❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong **03 Năm hợp đồng đầu tiên** và có thể đóng phí linh hoạt từ năm thứ 04 trở đi cho đến khi kết thúc **Thời gian đóng phí dự kiến** hoặc **Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm**, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng để Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) duy trì hiệu lực.

❖ Khách hàng có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến Bên mua Bảo hiểm và Người được Bảo hiểm.

❖ Quy tắc và Điều khoản, các biểu mẫu và tài liệu của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y được đăng tải tại website: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/family-financial-plan-with-critical-illness.html>

Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo nội dung thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 4 của tài liệu minh họa này.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM

A. Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
Người được Bảo hiểm 1		
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn sớm	Trước khi NĐBH1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 125.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn muộn	Trước khi NĐBH1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 250.000.000
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	<ul style="list-style-type: none">Tổng của GTTKHD và 500.000.000 sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), nếu NĐBH1 bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước khi đạt 70 Tuổi bảo hiểm.Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 500.000.000 sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy, nếu NĐBH1 bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn vào hoặc sau ngày đạt 70 Tuổi bảo hiểm đến trước khi đạt 75 Tuổi bảo hiểm.
QLBH Tử vong	Tử vong	<ul style="list-style-type: none">Tổng của GTTKHD và 500.000.000 sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), nếu NĐBH1 tử vong trước khi đạt 70 Tuổi bảo hiểm.Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 500.000.000(1) sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy, nếu NĐBH1 tử vong vào hoặc sau ngày đạt 70 Tuổi bảo hiểm.
QLBH Tử vong do Tai nạn	Tử vong do Tai nạn	Trước khi NĐBH1 đạt 70 Tuổi bảo hiểm, chi trả thêm 250.000.000
Người được Bảo hiểm 2		
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn sớm	Trước khi NĐBH2 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 125.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn muộn	Trước khi NĐBH2 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 250.000.000
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Trước khi NĐBH2 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 500.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có).

QLBH Tử vong	Tử vong	Trước khi NĐBH2 đạt 75 Tuổi bảo hiểm, chi trả 500.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có).
QLBH Tử vong do Tai nạn	Tử vong do Tai nạn	Trước khi NĐBH2 đạt 70 Tuổi bảo hiểm, chi trả thêm 250.000.000
Người được Bảo hiểm 3, 4		
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y	Trước khi NĐBH 3, 4 đạt 18 Tuổi bảo hiểm, chi trả 100.000.000 (sẽ được điều chỉnh theo giới hạn Tuổi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra khi NĐBH nhỏ hơn 4 Tuổi bảo hiểm)
B. Quyền lợi Đầu tư	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Đầu tư (1)	Hàng tháng	BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố nhưng không thấp hơn mức Lãi suất đảm bảo tại thời điểm chi trả.
C. Quyền lợi khác	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng (2)	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 04 và mỗi 04 Năm hợp đồng sau đó	25% tổng các khoản lãi đã tính cho Giá trị Tài khoản Hợp đồng trong 04 Năm hợp đồng trước đó
Quyền lợi Tuổi vàng (3)	NĐBH1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm	100% tổng Phí rủi ro đã khấu trừ
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

Lưu ý:

- (1) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life tại mục IV. [THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG](#)
- (2) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Trong suốt mỗi thời hạn 04 Năm hợp đồng xem xét chi trả quyền lợi này, HĐBH phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:
 - HĐBH chưa từng bị mất hiệu lực;
 - Không có bất cứ giao dịch rút một phần từ Giá trị Tài khoản Cơ bản; và
 - Phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ trong thời hạn 04 Năm hợp đồng đó.
- (3) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Tuổi vàng:
 - NĐBH1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm;
 - HĐBH chưa từng bị mất hiệu lực; và
 - Chưa có bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào của NĐBH1 và NĐBH2 được chi trả.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của Chubb Life. Quỹ Liên kết chung được quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của Bên mua Bảo hiểm, Chubb Life cam kết thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các kênh đầu tư có tính ổn định cao như: trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tiền gửi ngân hàng dài hạn; chứng chỉ quỹ; cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh; và một số kênh đầu tư ổn định khác. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ Liên kết chung được cập nhật thường xuyên trên Trang tin điện tử trên mạng Internet (website) của Chubb Life.

Nội dung chi tiết về chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life, Quý khách vui lòng tham khảo Điều 19 của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

2. Lãi suất công bố bình quân áp dụng cho Quỹ Liên kết chung của Chubb Life trong các năm qua:

Năm	Lãi suất công bố bình quân	Phí quản lý quỹ
2019	5,49%	2,00%
2020	5,16%	2,00%
2021	4,44%	1,69%
2022	4,20%	1,66%
2023	4,50%	1,73%

V. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM**1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm	Phí ban đầu	Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH cơ bản	Phân bổ vào GTTK Cơ bản	Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	31	14.690	11.752	2.938	2.041	2.041	516
2	32	14.690	5.876	8.814	2.135	2.135	540
3	33	14.690	2.938	11.752	2.206	2.206	564
4	34	-	-	-	2.302	2.302	588
5	35	-	-	-	2.426	2.426	612
6	36	-	-	-	2.543	2.543	636
7	37	-	-	-	2.678	2.678	660
8	38	-	-	-	2.838	2.838	684
9	39	-	-	-	*	*	*

Lưu ý:

1. Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ		Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phân bổ vào GTTK Cơ bản	Phân bổ vào GTTK Tích lũy	Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	31	14.690	-	11.752	-	2.938	-	2.041	2.041	516
2	32	14.690	-	5.876	-	8.814	-	2.135	2.135	540
3	33	14.690	-	2.938	-	11.752	-	2.206	2.206	564
4	34	14.690	-	-	-	14.690	-	2.302	2.302	588
5	35	14.690	-	-	-	14.690	-	2.426	2.426	612
6	36	14.690	-	-	-	14.690	-	2.543	2.543	636
7	37	14.690	-	-	-	14.690	-	2.678	2.678	660
8	38	14.690	-	-	-	14.690	-	2.838	2.838	684
9	39	14.690	-	-	-	14.690	-	2.981	2.981	708
10	40	14.690	-	-	-	14.690	-	3.156	3.156	720
11	41	14.690	-	-	-	14.690	-	3.317	3.317	720
12	42	14.690	-	-	-	14.690	-	3.596	3.596	720
13	43	14.690	-	-	-	14.690	-	3.809	3.809	720
14	44	14.690	-	-	-	14.690	-	4.160	4.160	720
15	45	14.690	-	-	-	14.690	-	4.259	4.259	720
16	46	14.690	-	-	-	14.690	-	4.615	4.615	720
17	47	14.690	-	-	-	14.690	-	4.836	4.836	720
18	48	14.690	-	-	-	14.690	-	5.292	5.292	720
19	49	14.690	-	-	-	14.690	-	5.820	5.820	720
20	50	14.690	-	-	-	14.690	-	6.366	6.366	720
21	51	-	-	-	-	-	-	6.966	6.966	720
22	52	-	-	-	-	-	-	7.638	7.638	720
23	53	-	-	-	-	-	-	8.394	8.394	720
24	54	-	-	-	-	-	-	9.252	9.252	720
25	55	-	-	-	-	-	-	10.122	10.122	720
26	56	-	-	-	-	-	-	11.106	11.106	720
27	57	-	-	-	-	-	-	12.132	12.132	720

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ		Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Phân bổ vào GTTK Cơ bản	Phân bổ vào GTTK Tích lũy	Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
28	58	-	-	-	-	-	-	13.140	13.140	720
29	59	-	-	-	-	-	-	14.112	14.112	720
30	60	-	-	-	-	-	-	15.108	15.108	720
31	61	-	-	-	-	-	-	16.128	16.128	720
32	62	-	-	-	-	-	-	17.286	17.286	720
33	63	-	-	-	-	-	-	18.630	18.630	720
34	64	-	-	-	-	-	-	20.196	20.196	720
35	65	-	-	-	-	-	-	22.188	22.188	720
36	66	-	-	-	-	-	-	24.750	24.750	720
37	67	-	-	-	-	-	-	27.726	27.726	720
38	68	-	-	-	-	-	-	*	31.260	720
39	69	-	-	-	-	-	-		35.202	720
40	70	-	-	-	-	-	-		39.534	720
41	71	-	-	-	-	-	-		43.016	720
42	72	-	-	-	-	-	-		*	*

Lưu ý: (*) HDBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI SẢN PHẨM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT**1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH 1	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH			
		QLBH Tử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBHTử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại
1	31	500.428	-	428	-	500.452	-	452	-
2	32	506.801	-	6.801	-	506.943	-	6.943	-
3	33	516.296	-	16.296	1.606	516.700	-	16.700	2.010
4	34	513.850	-	13.850	2.832	514.494	-	14.494	3.477
5	35	511.178	-	11.178	3.833	512.035	-	12.035	4.690
6	36	508.283	-	8.283	4.611	509.321	-	9.321	5.649
7	37	505.140	-	5.140	5.140	506.322	-	6.322	6.322
8	38	501.715	-	1.715	1.715	503.000	-	3.000	3.000
9	39	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0			

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	03 năm	Tổng số phí đóng:	44.070.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	0 đồng		
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Lưu ý: Minh họa về Quyền lợi sản phẩm cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản, không bao gồm Phí BH đóng thêm.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Tử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
1	31	500.428	-	428	-	500.452	-	452	-	-
2	32	506.801	-	6.801	-	506.943	-	6.943	-	-
3	33	516.296	-	16.296	1.606	516.700	-	16.700	2.010	-
4	34	529.401	420	29.401	18.384	530.484	636	30.484	19.466	-
5	35	542.327	-	42.327	34.982	544.095	-	44.095	36.750	-
6	36	555.497	-	55.497	51.825	558.175	-	58.175	54.502	-
7	37	568.901	-	68.901	68.901	572.725	-	72.725	72.725	-
8	38	584.387	1.861	84.387	84.387	590.649	2.897	90.649	90.649	-
9	39	598.302	-	98.302	98.302	606.302	-	106.302	106.302	-
10	40	612.443	-	112.443	112.443	622.467	-	122.467	122.467	-
11	41	625.595	-	125.595	125.595	639.195	-	139.195	139.195	-
12	42	641.612	2.877	141.612	141.612	662.137	5.729	162.137	162.137	-
13	43	654.851	-	154.851	154.851	680.146	-	180.146	180.146	-
14	44	667.999	-	167.999	167.999	698.606	-	198.606	198.606	-
15	45	681.310	-	181.310	181.310	717.795	-	217.795	217.795	-
16	46	696.800	3.230	196.800	196.800	746.597	9.085	246.597	246.597	-
17	47	709.061	-	209.061	209.061	767.354	-	267.354	267.354	-
18	48	721.047	-	221.047	221.047	788.579	-	288.579	288.579	-
19	49	732.680	-	232.680	232.680	810.219	-	310.219	310.219	-
20	50	747.343	3.395	247.343	247.343	845.351	13.038	345.351	345.351	-
21	51	743.305	-	243.305	243.305	842.783	-	342.783	342.783	-
22	52	738.529	-	238.529	238.529	839.499	-	339.499	339.499	-
23	53	732.920	-	232.920	232.920	835.404	-	335.404	335.404	-
24	54	726.370	-	226.370	226.370	830.396	-	330.396	330.396	-
25	55	718.836	-	218.836	218.836	824.422	-	324.422	324.422	-
26	56	710.197	-	210.197	210.197	817.367	-	317.367	317.367	-

Năm HD	Tuổi NDBH 1	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Tử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong /TTTBVV	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
27	57	700.394	-	200.394	200.394	809.172	-	309.172	309.172	-
28	58	689.436	-	189.436	189.436	799.850	-	299.850	299.850	-
29	59	677.326	-	177.326	177.326	789.396	-	289.396	289.396	-
30	60	664.030	-	164.030	164.030	777.781	-	277.781	277.781	-
31	61	649.506	-	149.506	149.506	764.964	-	264.964	264.964	-
32	62	633.603	-	133.603	133.603	750.797	-	250.797	250.797	-
33	63	616.101	-	116.101	116.101	735.053	-	235.053	235.053	-
34	64	596.758	-	96.758	96.758	717.494	-	217.494	217.494	-
35	65	575.116	-	75.116	75.116	697.663	-	197.663	197.663	-
36	66	550.569	-	50.569	50.569	674.960	-	174.960	174.960	-
37	67	522.652	-	22.652	22.652	648.908	-	148.908	148.908	-
38	68	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				618.904	-	118.904	118.904	-
39	69					584.475	-	84.475	84.475	-
40	70					545.165	-	45.165	45.165	-
41	71					500.000	-	1.756	1.756	-
42	72					HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	20 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	293.800.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	0 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các lãi suất giả định trên chỉ mang tính chất minh họa.
- **Lãi suất đảm bảo:** là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung.

Năm hợp đồng	Từ năm 1 đến năm 10	Năm 11 và năm 15	Từ năm 16 trở đi
Lãi suất tối thiểu/năm	3,0%	2,0%	1,5%

- **Lãi suất giả định:**
 - Trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất giả định được minh họa là 4,5%/năm
 - Từ Năm hợp đồng thứ 21: theo quy định của Bộ Tài chính thì lãi suất giả định được minh họa bằng mức lãi suất đảm bảo là 1,5%/năm.
- Tại năm HDBH mà NDBH1 đạt 75 tuổi, giá trị minh họa của Quyền lợi khác bao gồm Quyền lợi Duy trì Hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi Tuổi vàng.

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
% của Phí BH cơ bản	80%	40%	20%	0%
% của Phí BH đóng thêm	0%	0%	0%	0%

Phí Bảo hiểm được phân bổ

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí Bảo hiểm được phân bổ được nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó: **Phí rủi ro** là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QL BH. **Phí Quản lý hợp đồng** là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. **Phí Quản lý hợp đồng** là 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý hợp đồng là 60.000 đồng/tháng.

Phí Quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	75%	50%	25%	0%

Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTK Cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, cộng với GTTK Tích lũy.

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.1 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.3 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.2 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Tử vong Tai nạn

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Do ảnh hưởng của ma túy, các chất kích thích khác, tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia vào các hoạt động thể thao chuyên nghiệp;
- Do hậu quả của các hành vi chạy xe quá tốc độ hoặc uống rượu bia vượt quá nồng độ quy định khi tham gia giao thông theo pháp luật hiện hành;
- Do hành vi cố ý vi phạm pháp luật của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.4 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm của sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y trong tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu toàn bộ nội dung tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác và các trường hợp loại trừ bảo hiểm khi tham gia Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Tôi/Chúng tôi phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm